

Số: **04** /KL-TTTP-P2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng 5 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

Chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng

Thực hiện Kế hoạch số 2709/KH-TTTP ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Kế hoạch số 499/KH-TTTP (Mật) ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thanh tra Chính phủ về thanh tra chuyên đề công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng; Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo Thanh tra Thành phố xây dựng Kế hoạch thanh tra và triển khai thực hiện; Chánh Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 18/QĐ-TTTP-P2 ngày 13 tháng 01 năm 2026 thanh tra chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng, thời kỳ thanh tra từ năm 2019 - 2025 và Quyết định số 230/QĐ-TTTP-P2 ngày 20 tháng 3 năm 2026 về gia hạn thời hạn thanh tra; từ ngày 13 tháng 01 năm 2026 đến ngày 15 tháng 4 năm 2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường và xác minh đối với các tổ chức, đơn vị có liên quan.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra, giải trình của đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan, căn cứ các quy định pháp luật, Chánh Thanh tra Thành phố kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay được hình thành trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính của 03 địa phương trước đây, gồm Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau sáp nhập, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Thành phố) có diện tích tự nhiên hơn 6.722km², tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Thành phố chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây viết tắt là khoáng sản) thuộc nhóm III, nhóm IV gồm: Đá xây dựng, sét gạch ngói, cát xây dựng, puzolan; ngoài ra có than bùn, nước khoáng. Theo Phương án bảo vệ thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹ cụ thể như sau: Đá xây dựng 458.378.835 m³; Cát xây dựng 79.386.578 m³; Cát san lấp 21.067.046 m³; Cuội sỏi san lấp 47.758.633 m³; Laterit san lấp 28.568.562 m³; Kaolin 25.167.934 tấn; Sét gạch ngói 241.322.342 m³; sét hỗn hợp 137.996.116 m³; Than bùn 5.263.359 tấn.

¹ Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024; Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2024; Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023.

Theo Công văn số 7401/SXD-KTVLXD ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Xây dựng, nhu cầu khoáng sản làm vật liệu xây dựng (VLXD) đến hết năm 2026 là rất lớn, cụ thể: Đá xây dựng 28.303.892m³; Cát xây dựng 16.790.913m³; Cát san lấp 28.138.828m³; Đất san lấp 17.693.019m³.

Ủy ban nhân dân Thành phố là đơn vị quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 và khoản 4 Điều 107 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan được giao giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh².

Trong niên độ thanh tra từ năm 2019 - 2025³, do sáp nhập nên có sự thay đổi tên gọi từ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành Sở Nông nghiệp và Môi trường, để thống nhất lấy tên sau sáp nhập là Sở Nông nghiệp và Môi trường.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Tình hình thực hiện công tác quản lý đối với khoáng sản

1.1. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản

Trong niên độ thanh tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ban hành và triển khai thực hiện các văn bản liên quan đến quản lý, bảo vệ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và quản lý hoạt động khoáng sản (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 1*).

1.2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh về thăm dò, khai thác, sử dụng, khoanh định khu vực khoáng sản

1.2.1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, công bố quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản

Trước khi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ban hành các Quyết định⁴ phê duyệt quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản rắn tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương. Sau khi Luật số 21/2017/QH14 có hiệu lực thi hành, quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản được thay thế bằng Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và

² Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

³ Đối với Khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ): đã được Thanh tra Chính phủ thanh tra theo Quyết định số 656/QĐ-TTCTP ngày 20 tháng 12 năm 2024 nên Thanh tra Thành phố không thanh tra các nội dung theo đề cương của Thanh tra Chính phủ, chỉ thanh tra về sản lượng khai thác, tình hình chấp hành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với các mỏ chưa được thanh tra gồm 06 mỏ Puzolan được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép; 01 trường hợp gia hạn mỏ cát xây dựng và 01 trường hợp nâng công suất khai thác đá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép.

⁴ - Khu vực Hồ Chí Minh: Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013

- Khu vực Bình Dương: Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016, điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2018 và Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022.

sử dụng tài nguyên khoáng sản trong quy hoạch tỉnh, Thành phố thời kỳ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được tích hợp vào quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2024.

Sau hợp nhất, sáp nhập, việc lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban nhân dân Thành phố đã giao Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các Sở, ngành trực thuộc đối với Dự thảo Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố và giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp sở ngành, các đơn vị liên quan xây dựng Đề án phát triển vật liệu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định⁵.

1.2.2. Việc khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

- *Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập):* Theo Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn Thành phố tại Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, ngoại trừ khu vực vùng biển Cần Giờ được quy hoạch là khu vực hoạt động khoáng sản, các khu vực khoáng sản khác được đưa vào khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- *Khu vực tỉnh Bình Dương (cũ):* Theo Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có 26 khu vực cấm hoạt động khoáng sản thuộc các lĩnh vực đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hồ thủy lợi và 02 khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc sông Đồng Nai và sông Sài Gòn.

Qua thanh tra nhận thấy:

Sở Nông nghiệp và Môi trường với trách nhiệm là cơ quan tham mưu, chưa thực hiện việc rà soát để trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (định kỳ 05 năm một lần) là không thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 52 và Điều 53 Luật số 21/2017/QH14, khoản 5 Điều 28 Luật số 60/2010/QH12 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

1.2.3. Về thực hiện quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh

⁵ Tại Thông báo số 136/TB-VP ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoàn thành chậm nhất Quý III năm 2026.

- *Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập):* Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 về triển khai quy hoạch Thành phố thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- *Khu vực tỉnh Bình Dương (cũ):* Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có Văn bản số 2129/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2025 lấy ý kiến bộ, ngành về dự thảo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2.4. Những khó khăn, vướng mắc trong công tác quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch; khoanh định khu vực khoáng sản

Theo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, trước đây, việc lập quy hoạch khoáng sản thường bị trùng lặp với các quy hoạch khác như lâm nghiệp, du lịch, xây dựng, ... điều này dẫn đến tình trạng sau khi được cấp giấy phép khai thác, một số dự án khai thác khoáng sản mặc dù phù hợp về quy hoạch đất đai, quy hoạch khoáng sản nhưng doanh nghiệp khai thác khoáng sản không thuê được đất (hoặc chỉ thuê được một phần diện tích) vì trùng, vướng các quy hoạch khác.

1.3. Việc cấp phép thăm dò, khai thác, tận thu khoáng sản

1.3.1. Việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản


- *Việc cấp phép thăm dò khoáng sản:* Tổng số giấy phép thăm dò khoáng sản làm VLXD được cấp từ năm 2019 đến năm 2025 là 09 Giấy phép (03 đá xây dựng, 02 sét gạch ngói, 04 cát xây dựng) thuộc khu vực tỉnh Bình Dương (cũ) và đã hoàn thành việc thăm dò, được phê duyệt trữ lượng theo quy định.

- *Việc cấp phép gia hạn thăm dò khoáng sản:* Công ty Cổ phần Trung Thành được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép số 02/GP-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 thăm dò khoáng sản đá xây dựng mỏ Tam Lập 2 - Khu A, được gia hạn tại Giấy phép gia hạn số 16/GP-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022, do ảnh hưởng dịch covid 19.

- *Việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản:* Trong niên độ thanh tra không có giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa thực hiện đầy đủ các bước tiếp nhận hồ sơ trong tham mưu cấp phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần Trung Thành chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành thông báo yêu cầu nộp phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò sau khi có quyết định phê duyệt trữ lượng là chưa phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. 

1.3.2. Việc cấp, gia hạn, chuyển nhượng, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

Trong niên độ từ năm 2019 đến năm 2025, tổng số giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, gia hạn, chuyển nhượng là 49 giấy phép, trong đó 04 giấy phép⁶ đã được Kiểm toán Nhà nước khu vực IV kiểm tra và có kết luận tại Thông báo kết quả kiểm toán số 447/TB-KV IV ngày 07 tháng 7 năm 2022; không có Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi.

Qua chọn mẫu kiểm tra 15/45 Giấy phép khai thác khoáng sản, nhận thấy Sở Nông nghiệp và Môi trường có các vi phạm, thiếu sót (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 2*) như sau:

- Thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền ký cấp Giấy phép khai thác (lần đầu, gia hạn) trễ hạn theo quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

- Có văn bản trả hồ sơ cho các Công ty chưa đảm bảo về thời gian (05 ngày làm việc) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

- Giấy phép khai thác (lần đầu, xuống sâu, gia hạn, chuyển nhượng) thiếu thông tin so với Mẫu số 24, 25 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.4. Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Trong niên độ thanh tra, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) có tổ chức đấu giá quyền khai thác trước khi cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đối với 02 mỏ đá xây dựng⁷, đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV kiểm tra và đang thực hiện kiến nghị của kiểm toán theo Thông báo kết quả kiểm toán số 447/KTKVII ngày 07 tháng 7 năm 2022 nên Thanh tra Thành phố không thanh tra nội dung này.

2. Việc quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản

Qua kiểm tra 57 mỏ khoáng sản đã, đang hoạt động: 24 đá xây dựng, 25 sét gạch ngói, 08 cát xây dựng và 01 trường hợp thu hồi khoáng sản (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 3*):

2.1. Về ký quỹ bảo vệ môi trường

Theo xác nhận của Quỹ Bảo vệ môi trường và báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, trong niên độ thanh tra có 50 mỏ khai thác khoáng sản và 01

⁶ (1) Mỏ ĐXD Thường Tân VIII, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, Giấy phép khai thác số 03/GP-UBND ngày 09/01/2020; (2) Mỏ ĐXD Thường Tân VII, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, Giấy phép khai thác số 09/GP-UBND ngày 17/1/2020; (3) Mỏ ĐXD Rạch Rạc, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Giấy phép khai thác số 61/GP-UBND ngày 21/6/2019; (4) Mỏ đá Tam Lập, xã Phú Giáo, Giấy phép khai thác số 95/GP-UBND ngày 14/11/2019 (Chuyển nhượng từ Công ty Thanh Lễ sang Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh).

⁷ Công ty cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico trúng đấu giá Mỏ đá Tam Lập khu B, xã Phú Giáo; Công ty cổ phần Trung Thành, trúng đấu giá Mỏ Tam Lập 2 khu A.

trường hợp thu hồi khoáng sản thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường với tổng số tiền là 71.879.438.752 đồng; 06 mỏ đã hoàn thành ký quỹ giai đoạn trước, 01 mỏ bắt đầu nộp tiền ký quỹ vào năm 2026.

2.2. Về giấy phép môi trường

Qua kiểm tra đối với 57 mỏ khoáng sản (không kiểm tra 06 mỏ Puzolan do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép) nhận thấy có 25 mỏ khoáng sản hoạt động khai thác khi không có Giấy phép môi trường là vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhưng Sở Nông nghiệp và Môi trường không kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm hành chính, là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14. (Chi tiết đính kèm Phụ lục 4).

2.3. Về sản lượng khai thác, công suất khai thác theo giấy phép

2.3.1. Về lắp đặt trạm cân, camera giám sát và lưu trữ dữ liệu trạm cân

Qua kiểm tra hiện trạng thực tế 13 mỏ khoáng sản, gồm: 06 mỏ Puzolan; 03 mỏ đá xây dựng; 04 mỏ cát xây dựng, ghi nhận:

- Có 02 mỏ⁸ không có lắp đặt trạm cân là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và khoản 5,6 Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản.

- Có 05 mỏ⁹ không lưu trữ dữ liệu (file) trên máy tính có kết nối trạm cân là không thực hiện đúng quy định tại điểm c khoản 6 Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa xây dựng hệ thống kết nối thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản nên các Chủ đầu tư chưa kết nối dữ liệu về Sở để quản lý, giám sát.

2.3.2. Về thực hiện báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hàng năm các Chủ đầu tư có thuê đơn vị tư vấn đo vẽ hiện trạng mỏ, xác định trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng còn lại, sản lượng khai thác trong năm, sản lượng tiêu thụ, sản lượng kê khai thuế tài nguyên để lập báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản gửi Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Qua kiểm tra hồ sơ chủ đầu tư cung cấp, ghi nhận;

⁸ Mỏ puzolan Gia Quy, Đồi Đất Đỏ của Công ty TNHH Lê Chính.

⁹ Mỏ đá xây dựng Minh Hòa của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và May thêu Tân Tiến; mỏ puzolan núi Giao Ninh và mỏ puzolan Núi Sao của Công ty TNHH Minh Tiến; mỏ puzolan Núi Sò của Công ty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực; mỏ puzolan Núi Đất của Công ty Cổ phần khoáng sản Vũng Tàu.

+ 13 Chủ đầu tư lập báo cáo chưa chính xác về sản lượng khai thác thực tế, chưa đầy đủ thông tin theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế và Mẫu số 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

+ 06 mỏ¹⁰ đã khai thác vượt công suất quy định so với Giấy phép khai thác.

+ 02 mỏ cát¹¹ có sản lượng khai thác thực tế rất thấp so với công suất thiết kế, chỉ đạt từ 7,8% đến 41%, tình trạng này làm giảm hiệu quả sử dụng tài nguyên, đất, mặt nước đã được Nhà nước giao trong bối cảnh thị trường khan hiếm vật liệu xây dựng.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường khi tiếp nhận báo cáo của các chủ đầu tư không thực hiện rà soát, đối chiếu với cơ quan thuế để phát hiện các sai sót từ đó yêu cầu chủ đầu tư điều chỉnh cho phù hợp nhằm đảm bảo tính chính xác trước khi tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.4. Về công tác đóng cửa mỏ

Trong thời kỳ thanh tra, có 17 mỏ¹² hết hạn giấy phép khai thác khoáng sản phải thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ, trong đó: 06 mỏ đã có Quyết định đóng cửa mỏ, 08 mỏ đã được phê duyệt đề án đóng cửa mỏ nhưng chưa ban hành quyết định đóng cửa mỏ và 03 mỏ đã hết thời hạn lập hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Có 11 mỏ¹³ không nộp hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực vi phạm khoản 4 Điều 49 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP.

- Đối với Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ - Mỏ Đá xây dựng Núi Nhỏ (đã có Quyết định đóng cửa mỏ): chậm thực hiện, không hoàn thành đề án đóng cửa mỏ theo thời hạn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP; không thực hiện gia hạn thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính tiền thuê đất (từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2019)

¹⁰ Mỏ Giao Ninh: năm 2022 vượt 0,37%; năm 2023 vượt 13,68%; năm 2025 vượt 14,21%; Mỏ Núi Sò: năm 2025, đá puzolan vượt 14,95%; đá bazan đặt sít vượt 9,68%; Mỏ Núi Đất: Năm 2025, vượt 14,978%; Mỏ Gia Quy: năm 2023 vượt 2%, năm 2024 vượt 3%; Mỏ đá XD Thường Tân I: năm 2023 vượt 1,28%, năm 2024 vượt 10%, năm 2025 vượt 9%; Mỏ sét gạch ngói Định An II: năm 2021 vượt 5,33%, năm 2024 vượt 6%, năm 2025 vượt 1,5%.

¹¹ Mỏ cát Suối Láng Lôi của Công ty TNHH Đại Phát Đạt chỉ đạt 26% - 41% công suất; Mỏ cát Suối Nhánh Hồ Dầu Tiếng của Công ty Vận tải Hòa Bình chỉ đạt 7,8% - 27,24% công suất do năm 2024 và 2025, Công ty còn nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thông báo của cơ quan thuế, dẫn đến bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hóa đơn, không thể tiêu thụ sản phẩm.

¹² 03 mỏ cát san lấp, xây dựng: 09 mỏ sét; 05 mỏ đá xây dựng.

¹³ 03 mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp đã có Quyết định đóng cửa mỏ; 08 mỏ đã được phê duyệt đề án đóng cửa mỏ nhưng chưa ban hành quyết định đóng cửa mỏ

là vi phạm nghĩa vụ khi khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 55 Luật số 60/2010/QH12; Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 nhưng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấm dứt hiệu lực giấy phép (đến ngày 01 tháng 7 năm 2020), Công ty không thực hiện di chuyển tài sản còn lại của Công ty ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản (đến năm 2025 mới thực hiện); sử dụng phần diện tích 5.000m² (bãi tập kết khoáng sản) để tiếp tục làm văn phòng của Công ty đến năm 2025, chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường:

+ Không thực hiện việc theo dõi, đôn đốc công tác đóng cửa mỏ (04/06 mỏ đá đã có quyết định đóng cửa mỏ, 08/08 có phương án đóng cửa mỏ và 03/03 mỏ hết hạn nộp hồ sơ đóng cửa mỏ) theo quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.

+ Không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với các tài sản còn lại của Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ - Mỏ Đá xây dựng Núi Nhỏ không di chuyển ra khỏi khu vực khai thác trong thời hạn 6 tháng kể từ khi Giấy phép khai thác hết hạn, là vi phạm khoản 3 Điều 58 Luật số 60/2010/QH12; không báo cáo xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) xem xét, quyết định về việc Công ty tiếp tục xin thuê phần diện tích 5.000m² (bãi tập kết khoáng sản và Văn phòng Công ty) theo thẩm quyền quy định tại điểm e khoản 1 Điều 81 Luật số 60/2010/QH12; Công ty chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính tiền thuê đất nhưng Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) ban hành quyết định đóng cửa mỏ là không đúng quy định, vi phạm điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT (Chi tiết đính kèm Phụ lục 5).

2.5. Về công tác quản lý việc khai thác mỏ khoáng sản phục vụ dự án hạ tầng giao thông trọng điểm

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) có Thông báo số 405/TB-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Thông báo số 84/TB-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025 đề nghị các Chủ đầu tư ưu tiên cung ứng khoáng sản làm vật liệu xây dựng cho các Dự án đường trọng điểm quốc gia¹⁴. Ngoài ra, đối với các giấy phép được cấp điều chỉnh, bổ sung vào năm 2024, 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) đều yêu cầu các Chủ đầu tư cung cấp toàn bộ khoáng sản khai thác để phục vụ các công trình phát triển hạ tầng giao thông trọng điểm, thủy lợi, thủy điện, khắc phục thiên tai, dịch họa...

Qua thanh tra nhận thấy:

Việc triển khai cung cấp vật liệu xây dựng cho các công trình trọng điểm trên thực tế chưa đạt được mục tiêu đề ra và chưa xác định được khối lượng thực tế đã cung cấp. Theo các chủ đầu tư cho biết, phần lớn các mỏ chưa cung cấp vật

¹⁴ Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 (đoạn Cần Thơ - Cà Mau), các Dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (đoạn qua tỉnh Bình Dương), đường vành đai 4 (đoạn từ cầu Thủ Biên đến sông Sài Gòn), đường Mỹ Phước - Tân Vạn và Dự án Quốc lộ 13.

liệu trực tiếp cho công trình trọng điểm do các đơn vị thi công sau khi đến khảo sát, lấy mẫu khoáng sản tại mỏ để kiểm tra chất lượng đã thông báo kết quả không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công trình. Một số mỏ đá có cung cấp khoáng sản làm VLXD cho các công trình trọng điểm nhưng tỷ lệ vẫn còn thấp (khoảng 30-40%), chỉ một số ít mỏ cát đạt tỷ lệ 80% trở lên nhưng chủ yếu thông qua các đơn vị trung gian và nhà thầu xây dựng.

3. Việc quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước

3.1. Việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) ban hành quyết định kèm theo Bảng giá tính thuế tài nguyên để áp dụng trên địa bàn tỉnh, riêng Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập), không ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên từ năm 2019 - 2025.

Qua thanh tra nhận thấy:

Từ năm 2019 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập) không ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên, là chưa thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Thông tư số 41/2024/TT-BTC, dẫn đến các đơn vị căn cứ vào Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018 để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thuế tài nguyên là chưa phù hợp, trách nhiệm thuộc Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài chính (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 6*).

3.2. Về tiền cấp quyền khai thác Khoáng sản

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu ban hành 21 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 368.594.431.653 đồng đối với các mỏ khoáng sản được cấp phép khai thác trong giai đoạn từ năm 2019 - 2025 (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 7*); đồng thời tham mưu ban hành 38 Quyết định phê duyệt bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 304.004.618.782 đồng (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 8*); 35 văn bản xác nhận số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp giai đoạn 2018 - 2022 theo từng chủ đầu tư; 03 văn bản xác nhận tổng số tiền phải nộp các năm 2023, 2024, 2025 đối với các mỏ có phát sinh nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*bổ sung, xác nhận trên cơ sở các quyết định cấp trước năm 2019 và trong năm 2019 - 2025*).

Qua thanh tra nhận thấy:

- Về trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

+ Sở Tài chính thiếu trách nhiệm trong việc có ý kiến chuyên môn liên quan việc áp dụng giá tính thuế tài nguyên (*Văn bản số 16766/STC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2025 phúc đáp Sở Nông nghiệp và Môi trường*); Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026 phê duyệt tiền cấp quyền đối với Bản Xác nhận thu hồi khoáng sản số 4003/XN-UBND ngày 04 tháng 6 năm

2025 trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên tại Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018, mà không xác định giá tạm tính theo giá trung bình được quy định trong khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành¹⁵, là chưa chặt chẽ, chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 134 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 6*).

Theo giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 73/SNNMT-TNNKS-M ngày 29 tháng 5 năm 2026, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 139 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, Chủ đầu tư sẽ phải thực hiện quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi dự án hết hiệu lực vào ngày 04 tháng 12 năm 2025. Khi phê duyệt lại tiền cấp quyền để làm thủ tục quyết toán thì phần khối lượng khai thác sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 không phải nộp tiền cấp quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật số 54/2024/QH15.

Hiện nay, còn có ý kiến khác nhau về đối tượng không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật số 54/2024/QH15, cần giao Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 06 mỏ sau khi cấp phép khai thác khoáng sản từ 01 năm đến 04 năm 05 tháng, là thực hiện không đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 3 Nghị định số 10/2025/NĐ-CP.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa kịp thời kiểm tra, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (đá bazan đặc sít, đất để san lấp) phát sinh trong quá trình khai thác (theo báo cáo định kỳ của các chủ đầu tư) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác đối với 02 mỏ puzolan¹⁶.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cấp phép khai thác khoáng sản, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đất tầng phủ (vật liệu san lấp) chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, thiếu tiêu chí phân loại rõ ràng, cụ thể vì theo kết quả thăm dò khoáng sản, phê duyệt trữ lượng của các mỏ đá xây dựng và sét gạch ngói còn có trữ lượng đất tầng phủ (vật liệu san lấp) nhưng 16 trường hợp không cấp phép khai thác và không tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với toàn bộ trữ lượng đất tầng phủ; 06 trường hợp cấp phép khai thác và tính tiền cấp quyền khai thác đối với toàn bộ trữ lượng đất tầng phủ; 01 trường hợp chỉ cấp phép khai thác và tính tiền cấp quyền khai thác đối với một phần trữ lượng đất tầng phủ.

- Về trình phê duyệt bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: *W/*

¹⁵ Thông tư 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020.

¹⁶ Mỏ Đất Đồi của Công ty TNHH Lê Chính: đá bazan đặc sít với sản lượng 49.110m³; Mỏ Giao Ninh của Công ty TNHH Khoáng sản Minh Tiến: 29.665,38 m³ đất để san lấp năm 2021.

Thực hiện kết luận tại Thông báo số 447/TB-KV IV ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV và Văn bản số 3920/ĐCKS-KTĐCKS ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu ban hành 38 Quyết định phê duyệt bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhưng áp dụng Bảng giá tính thuế tài nguyên không đúng quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 10/2025/NĐ-CP, dẫn đến tính thiếu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tạm tính) phải nộp ngân sách là 45.679.987.714 đồng (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 8*).

- Về điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 02 mỏ đá¹⁷ do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản chính và sản phẩm phụ được phép khai thác là chưa thực hiện đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường có sai lệch trong việc xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp dư hoặc phải nộp bổ sung trong giai đoạn năm 2018 - 2022 khi có thay đổi về giá tính thuế tài nguyên đối với 05 trường hợp¹⁸.

Qua đây cho thấy công tác tham mưu cấp phép khai thác khoáng sản, việc tính, bổ sung và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn chưa thống nhất trong việc áp dụng quy định pháp luật có liên quan, thiếu chủ động trong tham mưu; công tác kiểm tra, đối chiếu hồ sơ về xác định nghĩa vụ tài chính chưa chặt chẽ, khả năng ảnh hưởng nguồn thu ngân sách và khai thác sử dụng tài nguyên, khoáng sản chưa hiệu quả.

3.3. Về quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước

3.3.1. Việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo trong năm 2019 - 2025, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải thu của 57 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng (khu vực Bình Dương cũ) là 439.802.934.271 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Qua kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến 35 mỏ¹⁹ và 01 trường hợp thu hồi khoáng sản, ghi nhận: có 15 mỏ²⁰ còn nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với tổng số tiền còn nợ giai đoạn năm 2019 - 2025 là 10.200.632.362 đồng

¹⁷ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và May thêu Tân Tiến (Mỏ đá Minh Hòa) và Công ty cổ phần Miền Đông - Biên Hòa (Mỏ đá Tân Mỹ).

¹⁸ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và May thêu Tân Tiến, Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Bình Dương, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex, Công ty Cổ phần xây dựng Bình Dương, Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp.

¹⁹ 06 mỏ puzolan, 13 mỏ đá xây dựng, 11 mỏ sét gạch ngói và 05 mỏ cát xây dựng

²⁰ 03 mỏ còn nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp giai đoạn năm 2019 - 2025; 05 mỏ còn nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp giai đoạn năm 2019 - 2025 và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung theo các quyết định phê duyệt giai đoạn năm 2024 - 2025, trong đó 02 trường hợp chưa nhận được Thông báo thuế; 07 mỏ còn nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung theo các quyết định phê duyệt giai đoạn năm 2024 - 2025, trong đó 04 trường hợp chưa nhận được Thông báo thuế.

và theo các quyết định phê duyệt bổ sung giai đoạn năm 2024 - 2025 là 95.931.646.835 đồng (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 9*).

Nguyên nhân chủ yếu là do thực hiện theo Luật số 54/2024/QH15 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, theo đó: đối với phần trữ lượng khoáng sản chưa trữ bảo vệ và hào vận chuyển không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; việc tính và nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 111 Luật số 54/2024/QH15 nên các doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục quyết toán²¹, sau khi Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quyết toán và xác định chính xác số tiền cấp quyền còn phải nộp bổ sung (nếu có), doanh nghiệp sẽ chấp hành nộp vào ngân sách theo đúng quy định.

3.3.2. Phí bảo vệ môi trường

Theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp: tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đã thu của 57 mỏ khoáng sản và 01 trường hợp thu hồi khoáng sản là 373.557.491.045 đồng, việc kê khai và nộp phí do các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP và Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Qua thanh tra ghi nhận: có 14/35 mỏ kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường chưa đúng quy định về khối lượng tính thuế, mức thu phí, hệ số tính phí theo phương pháp khai thác dẫn đến tính thiếu phí bảo vệ môi trường là 5.496.060.593 đồng (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 10*).

3.3.3. Thuế tài nguyên

Theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp: tổng số tiền thuế tài nguyên đã thu của 57 mỏ khoáng sản và 01 trường hợp thu hồi khoáng sản là 893.296.132.747 đồng, các doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp Thuế tài nguyên hàng tháng và Quyết toán hàng năm theo quy định của Thông tư số 152/2015/TT-BTC.

Qua thanh tra ghi nhận:

- 12/35 mỏ kê khai và nộp thuế tài nguyên chưa đúng quy định về khối lượng tính thuế, đơn giá tính thuế dẫn đến tính thiếu thuế tài nguyên là 15.128.050.440 đồng (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 10*).

- Năm 2025, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập) không ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên nên Chủ đầu tư²² áp dụng giá tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố để kê khai, nộp thuế tài nguyên; do đó, cần giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập) để làm cơ sở thu bổ sung thuế tài nguyên năm 2025.

²¹ Có 01 doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính nên chậm thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước

²² Công ty Cổ phần ĐTDL Cần Giờ.

3.4. Việc thực hiện thủ tục đất đai và nộp tiền thuê đất

Theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, tổng số tiền thuê đất đã thu là 106.902.661.623 đồng. Trong tổng số 55 mỏ phải thực hiện thủ tục đất đai (06 mỏ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép và 49 mỏ do Ủy ban nhân dân Thành phố cấp phép, 08 mỏ cát không thực hiện thủ tục đất đai).

Qua chọn mẫu kiểm tra 48 mỏ (trừ 07 mỏ đã ngưng hoạt động, có quyết định, đề án đóng cửa mỏ) nhận thấy:

- 09/48 mỏ được cấp phép khai thác đã hoàn thành thủ tục đất đai; 02/48 mỏ²³ có sai lệch về diện tích thuê đất (do chênh lệch từ việc sử dụng các hệ tọa độ có múi chiếu khác nhau).

- 34/48 mỏ khoáng sản chưa hoàn thành các thủ tục đất đai khi thực hiện khai thác khoáng sản:

+ 09 mỏ chưa có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 06 mỏ chưa khai thác khoáng sản; 03 mỏ²⁴ đã thực hiện khai thác khoáng sản là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 31, điểm h khoản 1 Điều 55 Luật số 60/2010/QH12 và điểm a khoản 3 Điều 152 Luật số 45/2013/QH13;

+ 25 mỏ đã có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chưa ký hợp đồng thuê đất, phụ lục hợp đồng thuê đất hoặc gia hạn hợp đồng là không thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 102 Luật số 45/2013/QH13.

- 03/48 mỏ²⁵ chưa thuê hết diện tích được giao theo giấy phép do các Chủ đầu tư chưa hoàn thành công tác thỏa thuận bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Ngoài ra, đối với Giấy xác nhận thu hồi 43.000.000m³ cát san lấp theo Quyết định giao đất số 1424/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ đầu tư đã nộp tiền sử dụng đất của Dự án.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường:

+ Không kịp thời xử lý vi phạm hành chính đối với 03 mỏ khoáng sản chưa chuyển mục đích sử dụng đất, chưa ký hợp đồng thuê đất nhưng đã khai thác là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật số 15/2012/QH13; không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với Công ty TNHH Minh Đạo là vi phạm quy định khoản 4 Điều 12 Luật số 15/2012/QH13; không phát hiện hành vi vi phạm đã hết hạn Giấy phép nhưng vẫn tiếp tục khai thác tại Mỏ sét gạch ngói Đất Cuốc của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Biconsì với tổng khối lượng sét là 22.500m³.

+ Chậm trễ trong việc ký các Hợp đồng thuê đất sau khi đã có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của 25 mỏ khoáng sản, dẫn đến các công ty không

²³ Mỏ Giao Ninh và Mỏ Đồi Đất Đỏ.

²⁴ Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và May thuê Tân Tiến - Mỏ sét gạch ngói Long Hòa 3; Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Biconsì - Mỏ sét gạch ngói Đất Cuốc và Công ty TNHH Minh Đạo - mỏ sét gạch ngói Tân Bình

²⁵ Mỏ Gia Quy còn 8,4 ha; Mỏ Núi Sò còn 3,01 ha; Mỏ Núi Đất còn 8,62ha.



có cơ sở để nộp tiền thuê đất vào ngân sách theo quy định (tổng diện tích khoảng 571,57ha) là không thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 102 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 11*).

Để có cơ sở thu tiền thuê đất còn thiếu của các doanh nghiệp, Thanh tra Thành phố đã làm việc với các đơn vị có liên quan và có 02 Văn bản²⁶ đề nghị đơn vị cung cấp thông tin phục vụ công tác thanh tra nhưng các đơn vị²⁷ chậm cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ nên Thanh tra Thành phố chưa xác định được số tiền thuê đất còn phải nộp của các doanh nghiệp để thu hồi nộp ngân sách.

Qua thanh tra việc quản lý, thu nộp ngân sách cho thấy Sở Nông nghiệp và Môi trường và Thuế Thành phố Hồ Chí Minh chưa thực hiện tốt công tác phối hợp quản lý hoạt động khai thác tài nguyên tại địa phương theo đúng quy định²⁸, không kiểm tra, rà soát nhằm phát hiện việc tham mưu tính tiền cấp quyền chưa đảm bảo quy định, việc chấp hành các quy định pháp luật trong kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, khối lượng đất đá bốc xúc thải, tiền thuê đất ... của các chủ đầu tư, dẫn đến việc chấp hành nghĩa vụ tài chính còn chưa kịp thời, chưa đầy đủ như đã nêu trên, có khả năng gây thất thu cho ngân sách²⁹.

3.5. Kết quả thực hiện khắc phục, xử lý những vi phạm, hạn chế, thiếu sót qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa khắc phục triệt để các nội dung vi phạm, thiếu sót, khuyết điểm đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra phát hiện, kết luận, kiến nghị như:

- Nội dung kết luận Kiểm toán nhà nước: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) xác định chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản khi sử dụng thông tin về khoáng sản phục vụ thăm dò khoáng sản và tổ chức thu theo quy định tại Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg. Để thực hiện nội dung này, Sở có Văn bản số 3084/STNMT-TNNKS ngày 26 tháng 8 năm 2022 gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản đề nghị hướng dẫn nhưng chưa được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản phúc đáp.

- Tham mưu cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi kết quả thăm định năng lực tài chính của các chủ đầu tư chưa phù hợp quy định.

- Chưa ban hành Quy chế phối hợp giữa các phòng ban của Sở để theo dõi và báo cáo tình hình sử dụng đất của các khu vực mỏ đã được cấp giấy phép nhưng chưa lập thủ tục thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Hiện nay vẫn còn một số mỏ chưa hoàn thành thủ tục đất đai nhưng vẫn tiến hành khai thác khoáng sản mà Sở chưa phát hiện để xử lý theo quy định.

²⁶ Văn bản số 1463/TTTP-P2 ngày 27 tháng 3 năm 2026 và Văn bản số 2115/TTTP-P2 ngày 04 tháng 5 năm 2026.

²⁷ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

²⁸ Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP; khoản 3 Điều 9, khoản 2, điểm a, c khoản 3 Điều 13, Nghị định số 67/2019/NĐ-CP; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 9, Nghị định số 27/2023/NĐ-CP; khoản 6, Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC.

²⁹ Hiện nay, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Văn bản số 3657/QCPH-SNNMT-TPHCM ngày 26 tháng 5 năm 2026 về Quy chế phối hợp cung cấp thông tin xác định nghĩa vụ tài chính, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về tài nguyên nước, khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

III. KẾT LUẬN

Qua thanh tra công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác và vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng, cho thấy: các đơn vị đã cơ bản thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu, tổ chức quản lý theo quy định của pháp luật; công tác rà soát, cập nhật quy hoạch được quan tâm, từng bước gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; việc thẩm định, cấp phép khai thác được thực hiện theo trình tự, thủ tục, góp phần đưa hoạt động khai thác vào nề nếp. Hoạt động quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác và vận chuyển khoáng sản vật liệu xây dựng cơ bản được quan tâm tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản, pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và các quy định có liên quan.

Tuy nhiên, do đặc điểm địa bàn rộng, quá trình sáp nhập làm phát sinh sự khác biệt về hiện trạng quy hoạch, cơ sở dữ liệu, phương thức quản lý giữa các khu vực trước đây, nên công tác phối hợp quản lý, kiểm soát hoạt động khai thác và vận chuyển khoáng sản tại một số nơi còn gặp khó khăn, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thời gian tới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót, vi phạm cần khắc phục, cụ thể như sau:

1. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

Còn nhiều thiếu sót, vi phạm trong công tác quy hoạch; cấp phép thăm dò, khai thác, tận thu khoáng sản làm VLXD; quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản làm VLXD trên địa bàn; đóng cửa mỏ; tham mưu tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thực hiện thủ tục đất đai và tính tiền thuê đất; thực hiện khắc phục, xử lý những vi phạm, hạn chế, thiếu sót qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán như đã nêu tại nội dung kết quả kiểm tra, xác minh.

Chưa thực hiện tốt việc phối hợp với Thuế Thành phố trong công tác quản lý quản lý thu, nộp ngân sách; quản lý hoạt động khai thác tài nguyên tại địa phương theo đúng quy định pháp luật, làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước, có khả năng gây thất thu cho ngân sách.

Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các phòng, ban, cá nhân tham mưu thời kỳ có liên quan.

2. Đối với Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

Còn những thiếu sót, vi phạm trong tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên; chưa thực hiện tốt việc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác quản lý quản lý thu, nộp ngân sách; quản lý hoạt động khai thác tài nguyên tại địa phương theo đúng quy định pháp luật, làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước, có khả năng gây thất thu cho ngân sách.

Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Thuế Thành phố và các phòng, ban, cá nhân tham mưu thời kỳ có liên quan.



3. Đối với Sở Tài chính

Chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc có ý kiến chuyên môn liên quan việc áp dụng giá tính thuế tài nguyên (*Văn bản số 16766/STC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2025 phúc đáp Sở Nông nghiệp và Môi trường*); chậm tham mưu dẫn đến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập) không có Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 theo quy định pháp luật, khả năng ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thuế tài nguyên.

Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo Sở Tài chính và các phòng, ban, cá nhân tham mưu thời kỳ có liên quan.

4. Đối với Các Chủ đầu tư

Còn những thiếu sót, vi phạm về Giấy phép môi trường; về báo cáo sản lượng khai thác, công suất khai thác theo giấy phép; việc đóng cửa mỏ; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách; thực hiện thủ tục đất đai và nộp tiền thuê đất... như đã nêu tại nội dung kết quả kiểm tra, xác minh.

Trách nhiệm thuộc về Người đại diện theo pháp luật các doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư các mỏ có liên quan.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Căn cứ quy định pháp luật, Biên bản làm việc với các chủ đầu tư và tính chất, mức độ vi phạm, Chánh Thanh tra Thành phố đã ban hành 16 quyết định thu hồi tiền với tổng số tiền là 20.624.111.033 đồng (*trong đó thuế tài nguyên là 15.128.050.440 đồng, phí bảo vệ môi trường là 5.496.060.593 đồng*) của 14 chủ đầu tư. Đến nay, 14 chủ đầu tư đã chấp hành nộp đầy đủ số tiền theo quyết định vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra Thành phố kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp xử lý như sau:

1. Về cơ chế, chính sách: Đính kèm Phụ lục 12.

2. Đối với Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền quản lý cán bộ thời kỳ phát sinh vụ việc đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Khẩn trương có văn bản hệ thống lại toàn bộ vụ việc (kèm hồ sơ), báo cáo xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường liên quan đến việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 98 Luật số 54/2024/QH15 và nộp thuế tài nguyên đối với Thu hồi khoáng sản theo Bản xác nhận số 4003/XN-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025; sau khi có ý kiến của các cơ quan chuyên môn, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý vụ việc đảm bảo chặt chẽ, theo đúng quy định, không gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

- Tiến hành kiểm tra, xem xét xử lý vi phạm hành chính (nếu có) theo thẩm quyền đối với các mỏ có vi phạm đã được nêu tại Kết luận thanh tra; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các mỏ còn lại nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại trong quá trình hoạt động.

- Khẩn trương tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giữa các phòng ban thuộc Sở để theo dõi và báo cáo tình hình sử dụng đất của các khu vực mỏ đã được cấp giấy phép nhưng chưa lập thủ tục thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

- Tiếp tục có Văn bản gửi Cục Địa chất và Khoáng sản để hướng dẫn, xác định chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản khi sử dụng thông tin về khoáng sản phục vụ thăm dò khoáng sản để tổ chức thực hiện dứt điểm theo đúng kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

- Khẩn trương tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước để các Chủ đầu tư kết nối thông tin nhằm phục vụ cho công tác quản lý về hoạt động khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Khẩn trương thực hiện việc quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm VLXD theo đúng quy định của Luật số 54/2024/QH15 để kịp thời thu bổ sung tiền cấp quyền còn thiếu (nếu có) cho ngân sách nhà nước.

- Rà soát, đối chiếu kết quả thăm dò khoáng sản với giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cấp phép bổ sung đối với trữ lượng khoáng sản phụ đi kèm chưa được cấp phép nhằm tránh lãng phí nguồn tài nguyên, khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Đẩy nhanh tiến độ ký kết các Hợp đồng thuê đất đối với các mỏ khoáng sản chưa có hợp đồng thuê, gia hạn hợp đồng thuê đất đối với các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn thuê đất đảm bảo đúng quy định pháp luật về đất đai. Khẩn trương thực hiện rà soát tổng thể nghĩa vụ tài chính của các mỏ khoáng sản đang hoạt động nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất để truy thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

- Chấn chỉnh công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đóng cửa mỏ đảm bảo đúng thời hạn và trình tự quy định. Tăng cường kiểm tra thực địa, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các hạng mục phục hồi môi trường, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trước khi nghiệm thu. Kiên quyết xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính đối với các trường hợp chậm lập hồ sơ đóng cửa mỏ hoặc không thực hiện đúng đề án đã được phê duyệt. Rà soát, yêu cầu chủ đầu tư phải hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính (*thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản...*) trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành Quyết định đóng cửa mỏ.

- Kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện kịp thời các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động khoáng sản, tránh trễ hạn, phát sinh sai phạm; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác tại các mỏ, nhất là các



trường hợp đã hết hạn giấy phép và đang chờ gia hạn để tránh khai thác trái phép; đồng thời đôn đốc tiến độ khai thác của các doanh nghiệp được cấp phép, đối với các đơn vị khai thác không đạt hoặc đạt tỷ lệ rất thấp so với công suất thiết kế, cần rà soát, đánh giá toàn diện các nguyên nhân (khách quan, chủ quan), tính cần thiết, khả thi và hiệu quả hoạt động khai thác để tham mưu cấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý phù hợp theo quy định (điều chỉnh quy mô, công suất, tiến độ khai thác hoặc thu hồi dự án nếu cần thiết), nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản; tăng cường phối hợp với cơ quan Thuế và các cơ quan liên quan trong xác định nghĩa vụ tài chính về sử dụng đất, tiền thuê đất của các doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Đối với Trường Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền quản lý cán bộ thời kỳ phát sinh vụ việc đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có chuyên môn để xác định nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc sử dụng đất và nộp tiền thuê đất, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường của các chủ đầu tư nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời cho ngân sách nhà nước.

4. Đối với Giám đốc Sở Tài chính

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền quản lý cán bộ thời kỳ phát sinh vụ việc đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (trước hợp nhất, sáp nhập) để làm cơ sở thu bổ sung thuế tài nguyên năm 2025 theo mức giá tính thuế tài nguyên mà Sở Tài chính đã đề xuất trước đây hoặc có biện pháp khắc phục để đảm bảo thu đúng, thu đủ, không gây thiệt hại cho ngân sách; trường hợp không khắc phục được, gây thiệt hại cho ngân sách thì đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố chuyển cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật.

5. Đối với các Chủ đầu tư

- Khắc phục ngay đối với những thiếu sót, vi phạm đã nêu tại phần kết luận.

- Hoàn thiện các hạng mục công trình phục hồi đất đai, trồng cây xanh và tháo dỡ công trình thiết bị theo đúng đề án đóng cửa mỏ đã được duyệt. Thực hiện nộp đầy đủ các khoản nghĩa vụ tài chính còn nợ đọng vào ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

- Khẩn trương khắc phục các lỗi kỹ thuật của hệ thống giám sát, đảm bảo thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản được lưu trữ liên tục và sẵn sàng trích xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời phải kết nối với hệ

thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép. Nghiêm túc thực hiện việc cấm lại các cột mốc bị mất và thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường tại các khu vực vi phạm.

- Khẩn trương rà soát, xác định rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến việc khai thác đạt tỷ lệ thấp so với công suất thiết kế; trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa năng lực khai thác, bảo đảm cung ứng ổn định nguồn vật liệu cho thị trường, đặc biệt trong bối cảnh khan hiếm, đồng thời tránh lãng phí tài nguyên khoáng sản đã được cấp phép khai thác.

6. Đối với Giám đốc Sở Nội vụ

Tham mưu kiểm điểm trách nhiệm đối với lãnh đạo các sở, ngành theo phân cấp quản lý cán bộ thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý đối với các sai phạm, thiếu sót như đã nêu tại kết luận thanh tra.

7. Đối với Chánh Thanh tra Thành phố

- Nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường đã thu tại tài khoản tạm giữ của Thanh tra Thành phố.

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; tổng hợp báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

- Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, xử lý và chỉ đạo thực hiện Kết luận thanh tra theo Điều 53 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố (để báo cáo);
- Cục III - Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (để báo cáo);
- Chánh Thanh tra Thành phố;
- Thuế Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Các chủ đầu tư.
- Lưu: VT, P2, ĐTT (V.09b)

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Thanh Thủy